

TRANG TỬ

"Trọng ngôn" hay "trùng ngôn"

TS. DƯƠNG TUẤN ANH

Khoa Việt Nam học -
Đại học Sư phạm Hà Nội

rang Tử là một tác phẩm triết học đậm giá trị văn chương nổi tiếng của Trang Chu, là áng văn mẫu mực và kì lạ mà nhiều thế hệ sau vẫn còn trầm trồ thán phục. Trong cuốn *Trang Tử*, Trang Chu khẳng định mình đã sử dụng ba thủ pháp nghệ thuật chủ đạo để sáng tạo nên toàn bộ sách, đó là ngụ ngôn, trọng (trùng) ngôn và chi ngôn (gọi chung là “tam ngôn”). Về danh xưng, ngoại trừ ngụ ngôn (寓言) và chi ngôn (卮言) không có gì để bàn cãi, riêng trọng (trùng) ngôn (重言) lại khiến các học giả phân tán ý kiến, bởi 重 có hai âm đọc, và đọc là “trọng” hay “trùng” còn liên quan trực tiếp đến cách lí giải ý nghĩa của thủ pháp nghệ thuật.

1. Quan điểm 重言 là “trọng ngôn”

Quan điểm này xuất hiện sớm, ngay từ những bản chú giải *Trang Tử* đầu tiên. Quách Tượng¹, Thành Huyền Anh², Lục Đức Minh cùng quan điểm này khi cho rằng cần hiểu 重言 là “trọng ngôn”, vì khẳng định đây là cách dùng lời của người được tôn trọng trong xã hội (người già, người được mọi người tôn trọng...), hoặc lời nói đáng

tôn trọng trên đời để thể hiện tác phẩm, làm tăng sức thuyết phục. Những biểu hiện cụ thể của “trọng ngôn” trong tác phẩm *Trang Tử* vì thế chính là lời của “những người đáng được tôn trọng” như Nghiêu, Thuấn, Khổng Tử, Nhan Hối... Để chứng minh quan điểm này, các học giả còn bám vào chi tiết “trọng ngôn thập thất” để lí giải. Quách Tượng cho rằng trong “thập thất” bảy phần mười là đáng tin cậy, vì do những người đáng trọng nói ra. Lâm Hi Dật thì cho rằng “trọng ngôn thập thất” tức là trọng ngôn chiếm bảy phần mười, nghĩa là bảy phần mười số lời nói trong tác phẩm là của những người đáng trọng, hoặc bảy phần mười là những lời nói đáng trọng(?). Tôn Dĩ Khải thì giải thích “trọng ngôn thập thất” là trọng ngôn xuất hiện 17 lần trong tác phẩm *Trang Tử*, và đã dành công phu thống kê chi tiết 17 lần (đều là lời của Nghiêu, Thuấn, Khổng, Nhan...) xuất hiện trong tác phẩm được coi chính là “trọng ngôn”³.

Vương Vận Sinh lại cho rằng trọng ngôn là lời nói khoa trương, cường điệu, cũng có thể coi là lối thậm xưng, “đó là chỉ rằng

trong sách *Trang Tử* sử dụng một lượng lớn những từ ngữ khoa trương, người đọc nhầm mắt là có thể tưởng tượng được, không cần nêu chứng cứ⁴. Lời nói khoa trương phóng đại, nói quá, người đọc có thể dễ dàng tìm thấy trong tác phẩm *Trang Tử*.

Bàn về 重言, thiên *Ngụ ngôn* trong *Trang Tử* ghi: “重言十七, 所以已言也, 是为耆艾, 年先矣, 而无经纬本末以期年耆者, 是非先也。人而无以先人, 无人道也; 人而无人道, 是之谓陈人。” (Trọng (trùng) ngôn thập thất, sở dĩ kỷ ngôn dã, thị vị kỳ ngãi, niên tiên hĩ, nhi vô kinh vĩ bản末 dĩ kỳ niên niên kỳ giả, thị phi tiên dã. Nhân nhi vô dĩ tiên nhân, vô nhân đạo dã; nhân nhi vô nhân đạo, thị chi vị trần nhân). Ở Việt Nam, đến nay mới có 4 dịch giả (Nhượng Tống, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Hiến Lê và Nguyễn Tôn Nhan) dịch trọn vẹn (hoặc tương đối trọn vẹn) cuốn sách này, trong đó, hai dịch giả Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tôn Nhan dịch chi tiết này là “trọng ngôn”, cụ thể như sau:

Nguyễn Hiến Lê dịch: “Trọng ngôn chiếm bảy phần mười (của ngụ ngôn) vì muốn ngăn những lời tranh biện của thiên hạ, nên phải dẫn lời của bậc tiền bối. Nhưng nếu chỉ là những người lớn tuổi mà không có học thức cao để cho người sau tin theo thì cũng không gọi là tiền bối được. Không có học thức để cho người khác tin thì không phát huy được hết cái đạo là người, như vậy là hạng người cổ hủ.”⁵

Nguyễn Tôn Nhan dịch: “Trọng ngôn chiếm bảy phần mười, dùng để hạn chế sự tranh luận. Một số người lớn tuổi, thọ hơn người khác, nhưng nếu chỉ hạn vào tuổi tác

và học vấn chưa chắc đã hơn mọi người. Nếu như một người chẳng có học thức gì hơn mọi người thì là không đủ đạo làm người, nếu như một người không đủ đạo làm người thì người ấy là loại hủ lậu.”⁶

Có thể nhận thấy, không có sự khác biệt lớn về cách dịch, cách hiểu giữa hai dịch giả ở đoạn văn này, cách hiểu về “trọng ngôn” cũng tương tự như Quách Tượng, Thành Huyền Anh... của Trung Quốc.

2. Quan điểm 重言 là “trùng ngôn”

Quan niệm 重言 là “trùng ngôn” xuất hiện khá muộn, vào thời nhà Thanh, tiêu biểu có cha con Quách Sùng Đạo và Quách Khánh Phiên. Quách Sùng Đạo cho rằng phải hiểu là “trùng ngôn”, nghĩa là nói lặp lại.

Các học giả sau đó như Cao Hanh, Mã Tự Luân... cũng nối tiếp quan điểm này. Cao Hanh trong *Trang Tử kim tiên* đã chú giải: “Trùng ngôn, nghĩa là điều người xưa đã nói, giờ ta nói lại”. Mã Tự Luân trong *Trang Tử chính nghĩa* cũng khẳng định: “Trùng (重) là trùng (緝) viết tinh lược. Sách *Thuyết văn* nói rằng: “Trùng (緝), là tăng thêm, tức chữ trùng (重) trong nghĩa lặp đi lặp lại. Trùng ngôn (重言) là lặp lại lời nói của người cao tuổi (được trọng vọng) vậy.”

Xem ra, với cách lí giải này, những trường hợp được coi là “trùng ngôn” không khác gì với quan điểm “trọng ngôn”, đều lấy những đoạn dẫn lời của Nghiêu, Thuần, Khổng, Nhan... làm minh chứng. Điều khác căn bản chỉ nằm ở chỗ một bên coi đây là thủ pháp lấy dẫn chứng (trọng ngôn), còn một bên coi đây là thủ pháp trùng lặp (trùng ngôn). So sánh là khập khiễng, nhưng tác

dụng của trùng lặp không khác mấy truyện Tăng Sâm giết người⁷ trong *Chiến quốc sách*. Nói cách khác, tác dụng của trùng lặp cũng chính là để người ta tin, để làm tăng tính thuyết phục.

Quan điểm 重言 là “trùng ngôn” cũng được gặp ở các học giả Việt Nam, với hai bản dịch của Nhượng Tống và Nguyễn Duy Cần. Cùng đoạn trích trong thiên *Ngụ ngôn* nêu trên, Nhượng Tống dịch: “Trùng ngôn mười bảy, là để cho khỏi nói... Ấy là lời các bậc kỳ cựu. Tuổi đàn trước ta nhưng không biết ngang, dọc, gốc, ngọn, cho xứng đáng là bậc kỳ cựu, ấy không phải là kẻ trước được ta... Người mà không có gì để trước người khác, là không có đạo người. Người không có đạo người gọi là trần hủ.”⁸ Nguyễn Duy Cần cũng dịch là: “Trùng ngôn mười bảy, là mượn lời kẻ khác mà nói. Kẻ ấy là những bậc trước ta, (nhưng nếu) không kinh vĩ, không thông gốc ngọn thì ta cũng không xem là bậc trên trước của ta được. Ai không hiểu được cái đạo của chân nhơn, không được kẻ là kẻ đi trước ta, mà chỉ là hạng trần nhơn, (tức là người thuật chuyện xưa tích cũ mà thôi).”⁹ Như vậy, trong bốn dịch giả Việt Nam đã dịch trọn vẹn bộ sách *Trang Tử*, có hai người dịch là “trọng ngôn” (Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tôn Nhan), hai người dịch là “trùng ngôn” (Nhượng Tống, Nguyễn Duy Cần).

3. “Trọng ngôn” hay “trùng ngôn”?

Có thể thấy, quan điểm “trọng ngôn” hay “trùng ngôn” đã dẫn tới các cách lí giải khác nhau, từ góc độ như một thủ pháp nghệ thuật có thể chia thành 3 nhóm quan điểm: *Nhóm thứ nhất*, lấy Quách Tượng làm đại biểu, giữ

quan điểm 重言 là “trọng ngôn”, coi đó tương tự như một thủ pháp lấy dẫn chứng; *Nhóm thứ hai*, Vương Vận Sinh là đại diện, cũng cùng quan điểm 重言 là “trọng ngôn”, nhưng cho rằng đây là một thủ pháp khoa trương; *Nhóm thứ ba*, lấy cha con Quách Sùng Đạo làm đại diện, lại giữ quan điểm 重言 là “trùng ngôn”, coi đây là một thủ pháp trùng lặp.

Để xác định rõ vấn đề này, cần bám sát vào hai đoạn văn trong *Trang Tử* đã thuật về trọng (trùng) ngôn. Đoạn thứ nhất nằm trong thiên *Ngụ ngôn*, đã dẫn ở trên. Đoạn thứ hai nằm trong thiên *Thiên hạ* có ghi: “以重言为真” (Dĩ trọng (trùng) ngôn vi chân), nghĩa là: Lấy trọng (trùng) ngôn làm chân thực. Ở đây, qua hai đoạn văn, có thể thấy *Trang Tử* đã nhấn mạnh mấy vấn đề sau khi nói về trọng (trùng) ngôn:

Thứ nhất, trong thiên *Ngụ ngôn*, *Trang Tử* khẳng định: Trọng (trùng) ngôn “vì muốn ngăn những lời tranh biện của thiên hạ, nên phải dùng lời của bậc tiền bối”. Thế nghĩa là muốn dùng cái uy tín của các bậc “kỳ ngãi” (những bậc cao tuổi tiền bối) để mọi người tin mà không tranh biện nữa. Điều này được tái khẳng định ở ngay trong câu văn kế tiếp: “Nhưng nếu chỉ là những người lớn tuổi mà không có học thức cao để cho người sau tin theo thì cũng không gọi là tiền bối được. Không có học thức để cho người khác tin thì không phát huy được hết cái đạo là người, như vậy là hạng người cổ hủ.” Thế là cái “uy” và cái “tín” là cái *Trang Tử* đang cần ở đây.

Thứ hai, trong thiên *Thiên hạ*, *Trang Tử* cũng khẳng định: “Lấy trọng (trùng) ngôn

làm chân thực”, nghĩa là cái chân thực, cái có thể làm cho con người ta tin tưởng được lần nữa được nhấn mạnh.

Thứ ba, cũng trong thiên *Ngụ ngôn*, Trang Tử có đưa ra một con số: “Trong (trùng) ngôn thập thất” (Trọng (trùng) ngôn mười bảy). Con số “thập thất” có ba cách lí giải chính sau đây: Một, “thập thất” là bảy phần mười là đáng tin cậy (Quách Tượng); Hai, “thập thất” là chiếm bảy phần mười, nghĩa là bảy phần mười số lời nói trong tác phẩm là của những người đáng trọng (Lâm Hi Dật); Ba, “thập thất” là trọng ngôn xuất hiện 17 lần trong tác phẩm (Tôn Dĩ Khải). Dễ thấy, dù giải thích theo cách nào, tính chất cốt để làm cho người ta tin tưởng vẫn được ít nhiều đề cập tới.

Đến đây, có lẽ nên đi đến một nhận định: Nên hiểu 重言 là “trọng ngôn”, là lối diễn đạt dùng những lời lẽ đúng đắn đáng tin cậy của những bậc tiền bối đức cao vọng trọng để làm tăng sức thuyết phục, khiến người đọc tin tưởng. Điều này chính hợp với thái độ của Trang Tử khi ông cảm khái: “Dĩ vì thiên hạ vi trầm trọc, bất khả dĩ Trang ngữ” (以为天下沉浊,不可与庄语), nghĩa là “cho thiên hạ là vẫn đục, không thể nói chuyện cùng Trang”. Vì không muốn nói chuyện với cuộc đời ô trọc, vẫn đục, Trang đã dùng lời người khác nói thay mình. Ấu cũng là một cách “nói mà không nói, cả đời nói mà chưa từng nói, cả đời không nói mà chưa từng không nói” (thiên *Ngụ ngôn*: Ngôn vô ngôn, chung thân ngôn, vị thường ngôn; chung thân bất ngôn, vị thường bất ngôn 言无言, 终身言, 未尝言; 终身不言, 未尝不言) của Trang.

CHÚ THÍCH:

¹ Nhà huyền học Trung Quốc thời Tây Tấn.

² Đạo sĩ, học giả thời Sơ Đường.

³ Xem: Tôn Dĩ Khải, *Chân Trường Tùng: Trang Tử thông luận*, Thượng Hải, Đông phương xuất bản xã, 1995.

⁴ Vương Vận Sinh: *Trọng ngôn, chi ngôn là gì?*, *Côn Minh sư chuyên học báo*, tháng 9 năm 1995, quyển 17, kì 3, trang 50.

⁵ Nguyễn Hiến Lê: *Trang Tử và Nam Hoa Kinh*, NXB Văn hóa, 1994, trang 471.

⁶ Nguyễn Tôn Nhan dịch: *Trang Tử - Nam Hoa kinh*, NXB Thanh niên, 1999, trang 603-604.

⁷ Tăng Sâm là người thời Xuân Thu, tính cách chất chân thật và có hiểu, là học trò của Khổng Tử. Ông Tăng Sâm ở đất Phi, ở đây có kẻ trùng danh với ông giết chết người. Một người hốt hải chạy đến báo mẹ ông Tăng Sâm rằng: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ nói: "Chẳng khi nào con ta lại giết người". Rồi bà điềm nhiên ngồi dệt cửi. Một lúc lại có người đến báo: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ không nói gì, cứ điềm nhiên dệt cửi. Một lúc lại có người đến báo: "Tăng Sâm giết người" Bà mẹ sợ cuống, quăng thoi, trèo qua tường chạy trốn.

⁸ Nhượng Tống dịch: *Nam Hoa kinh / Trang Tử*, NXB Văn học Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2001, trang 286.

⁹ Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú: *Nam Hoa Kinh: Nội thiên / Trang Tử*. Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1973, trang 557-558.